

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A1
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS-ST

Ngày 19-12-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT A1
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN - TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Bà Lê Thị Hồng Khiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn H sinh ngày 10/5/1985 tại xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn L, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: công nhân. Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân N sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1959; có vợ: Nguyễn Thị C sinh năm 1989 và 3 con, lớn sinh năm 2009 và nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/9/2019 đến ngày 20/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt

2. Trần Xuân G sinh ngày 23/9/1975 tại xã U, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tại I, xã U, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông: Trần Văn O sinh năm 1957 và bà Lưu Thị A sinh năm 1950 có vợ Diệp Thị R sinh năm 1979 và 3 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/9/2019

đến ngày 20/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt

3. Trần Thanh M1 sinh ngày 06/6/1985 tại phường X, thành P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường X, thành P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, ngày kết nạp Đảng 14/01/2017, ngày vào Đảng chính thức là 14/01/2018; con ông: Trần Thanh H1 sinh năm 1951 và bà Trần Thị N1 sinh năm 1954; có vợ Bùi Thị K sinh năm 1991; Con: có 2 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/9/2019 đến ngày 20/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt

4. Nguyễn Đức A1 Tên gọi khác: Giỏi ; sinh ngày 18/4/1981 tại xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; hộ khẩu thường trú: thôn L1, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn O1 sinh năm 1939 và bà Ngô Thị S1 sinh năm 1942; Có vợ: Doãn Thị P1 sinh năm 1987; Con: có 2 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/9/2019 đến ngày 20/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt

5. Phó Cửu V sinh ngày 07/12/1989. tại xã T1, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Hộ khẩu thường trú: thôn G1, xã T1, thành P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Công nhân. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Sán Dìu; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Phó Văn Q1 sinh năm 1947 và bà Đặng Thị I1 sinh năm 1949; có vợ: Đỗ Thị Y sinh năm 1996 và 2 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/9/2019 đến ngày 20/9/2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Diệp Thị R, sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: Thôn I, xã U, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Doãn Thị P1, sinh năm 1987, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L1, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội.

- Anh Phó Văn B1, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Thôn G1, xã T1, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người làm chứng:

- Ông Tạ Văn U1, sinh năm 1964, vắng mặt.

- Ông Cao Văn B, sinh năm 1967, vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18 tháng 9 năm 2019, sau khi ăn cơm trưa Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1 và Nguyễn Đức A1 cùng nhau ngồi uống nước khu vực kho sân Golf trong khu nghỉ dưỡng Đ1 thuộc xã T1, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. H nhìn thấy bộ bài tú lơ khơ để trên bàn uống nước, H rủ G, M1 và A1 chơi sâm ăn tiền, mức 2.000 đồng/ 1 lá, sâm là 40.000 đồng, treo là 30.000 đồng. Mọi người chơi được khoảng 15 phút thì Phó Cử V vào tham gia đánh bạc cùng. H, G, M1, A1 và V đang đánh sâm ăn tiền đến khoảng 12 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc: Số tiền: 4.405.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Thu giữ trong người các bị cáo tổng số tiền 2.500.000 đồng (Trong đó thu của bị cáo G 2.000.000 đồng, bị cáo M1 500.000 đồng). Toàn bộ số tiền trên các bị cáo đều khai nhận có sử dụng để đánh bạc. Tạm giữ của bị cáo A1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung bị vỡ màn hình và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen, biển kiểm soát (BKS): 29S6 – 025.25. Tạm giữ của bị cáo H: 01 điện thoại di động Sam Sung J7 màu vàng. Tạm giữ của bị cáo V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu trắng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS: 88K3 – 1822. Tạm giữ của bị cáo M1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A50 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xám, BKS: 88H1 – 059.79. Tạm giữ của bị cáo G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 88E1 – 241.68.

Quá trình điều tra vụ án xác định: bị cáo H sử dụng số tiền 1.505.000đ, bị cáo G sử dụng số tiền 3.600.000đ, bị cáo M1 sử dụng số tiền 700.000đ, bị cáo A1 sử dụng số tiền 600.000đ và bị cáo V sử dụng số tiền 500.000đ vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là: 6.905.000đ.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo H, G, M1, A1 và V đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình như đã nêu trên.

Tại cáo trạng số: 103/CT - VKSPY ngày 27 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố các bị cáo Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cử V về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cửu V giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Văn H.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Xuân G và bị cáo Trần Thanh M1. Riêng bị cáo Trần Xuân G áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Đức A1 và bị cáo Phó Cửu V. Riêng bị cáo Phó Cửu V áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo H từ 08 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo H 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo G từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 9 năm 2019 đến ngày 20 tháng 9 năm 2019. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Phạt bị cáo G 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo M1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 9 năm 2019 đến ngày 20 tháng 9 năm 2019. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Phạt bị cáo M1 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo A1 từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo V từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung quỹ Nhà Nước

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.905.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc, tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Trả lại các bị cáo điện thoại và xe máy không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra và của Tòa án.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo đều thể hiện thái độ ăn năn, hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cửu V thừa nhận hành vi: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 12 giờ 50 phút ngày 18/9/2019 tại khu vực kho sân Golf trong khu nghỉ dưỡng Đ1 thuộc xã T1, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, các bị cáo có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh sâm ăn tiền thì bị Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là **6.905.000** đồng (*sáu triệu chín trăm linh năm nghìn đồng*).

[3] Xét lời khai tại phiên tòa của các bị cáo Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cửu V phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi các bị cáo Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cửu V sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh sâm với số tiền **6.905.000** đồng đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như sau: “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*” Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo theo cáo trạng số 103/CT - VKSPY ngày 27 tháng 11 năm 2019 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, việc các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh sâm, tụ tập đông người làm ảnh

hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác nếu không được ngăn chặn kịp thời. Vì vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xét xử để giáo dục riêng, phòng ngừa chung và phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

[5] Xét nhân thân, tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước, sau khi ăn cơm trưa, các bị cáo H, G, M1 và A1 cùng nhau ngồi uống nước khu vực kho sân Golf trong khu nghỉ dưỡng Đ1, bị cáo H nhìn thấy bộ bài tú lơ khơ để trên bàn uống nước nên H rủ G, M1 và A1 chơi sâm ăn tiền, các bị cáo tự đề ra mức 2.000 đồng/ 1 lá, sâm là 40.000 đồng, treo là 30.000 đồng và đánh bạc trong khoảng thời gian 1 giờ 20 phút thì bị công an phát hiện bắt quả tang. Trong vụ án này bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê đồng thời trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 1.505.000đ, các bị cáo G, A1, M1 và V đều là đồng phạm tích cực trong việc đánh bạc. Bị cáo G sử dụng số tiền nhiều nhất 3.600.000đ, bị cáo M1 sử dụng số tiền 700.000đ, A1 sử dụng số tiền 600.000đ. Bị cáo V sử dụng số tiền ít nhất 500.000đ và vào chơi sau cùng. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo H có bố là ông Bùi Xuân N đã có thành tích phục vụ quân đội nhân dân Việt A1 được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang; bị cáo V có bố là ông Phó Văn Q1 đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; Bị cáo G đã có thời gian tham gia quân đội và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 1996 trong quân đội, được tặng bằng khen. Do đó các bị cáo H, G và V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

Về tình tiết tăng nặng, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Sau khi xem xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, phạm tội do bột phát, số lượng tiền sử dụng đánh bạc không nhiều nên Hội đồng xét xử xem xét đối với bị cáo H không nhất thiết phải buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo H hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ sức giáo dục và dẫn dắt bị cáo. Đối với bị cáo G và bị cáo M1 thực hiện phạm tội với vai trò đồng phạm nên xem xét cho

bị cáo G và bị cáo M1 cải tạo không giam giữ, vì các bị cáo có thu nhập thấp và không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo G và bị cáo M1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo G và bị cáo M1 bị tạm giữ từ ngày 18/12/2019 đến ngày 20/12/2019 sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự, 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo A1 và bị cáo V có số tiền đánh bạc ít nhất nên có thể áp dụng hình tiền là phạt chính đối với bị cáo A1 và bị cáo V.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đánh bạc, mục đích sát phạt nhau bằng tiền nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để sung quỹ Nhà nước (trừ bị cáo A1 và bị cáo V đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền thì không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 32 Bộ luật hình sự).

[7] Về vật chứng của vụ án:

Số tiền 6.905.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ nhà nước; Bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS: 88K3 – 1822 thu giữ của V. Quá trình điều tra xác định V không sử dụng vào mục đích đánh bạc là tài sản hợp pháp của anh Phó Văn B1, anh trai bị cáo V. Ngày 15/11/2019 Cơ quan Công an thành phố P đã trả lại cho anh B1 là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung bị vỡ màn hình và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen, biển kiểm soát (BKS): 29S6 – 025.25 của bị cáo A1; 01 điện thoại di động Sam Sung J7 màu vàng của bị cáo H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu trắng của bị cáo V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A50 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xám, BKS: 88H1 – 059.79 tạm giữ của bị cáo M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 88E1 – 241.68 của bị cáo G. Quá trình điều tra xác định các tài sản trên đều là tài sản hợp pháp của các bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo: Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cửu V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Văn H.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Xuân G và bị cáo Trần Thanh M1. Riêng bị cáo Trần Xuân G áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Đức A1 và bị cáo Phó Cửu V. Riêng bị cáo Phó Cửu V áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cửu V phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

Bị cáo Bùi Văn H 08 (*tám*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*một*) năm 04 (*bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo H 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân G 01 (*một*) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 9 năm 2019 đến ngày 20 tháng 9 năm 2019. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Phạt bị cáo G 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh M1 09 (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 9 năm 2019 đến ngày 20 tháng 9 năm 2019. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Phạt bị cáo M1 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A1 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước.

Xử phạt bị cáo Phó Cửu V 25.000.000 đồng (*hai lăm triệu đồng*) sung quỹ Nhà Nước

Giao bị cáo Bùi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Trần Xuân G cho Ủy ban nhân dân xã U, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc và giao bị cáo Trần Thanh M1 cho Ủy ban nhân dân phường X, thành P, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo G và bị cáo M1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã U và phường X trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Trần Xuân G và bị cáo Trần Thanh M1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 72, Điều 73 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 6.905.000 đồng (*sáu triệu chín trăm linh năm nghìn đồng*) các bị cáo sử dụng đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân;

Trả lại bị cáo Bùi Văn H 01 điện thoại di động Sam Sung J7 màu vàng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Trần Xuân G 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu trắng BKS: 88E1 – 241.68 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Trần Thanh M1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A50 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu xám, BKS: 88H1 – 059.79 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Nguyễn Đức A1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung bị vỡ màn hình và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen, biển kiểm soát (BKS): 29S6 – 025.25 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo Phó Cửu V 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu trắng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tiền và tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P lập ngày 18 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo: Bùi Văn H, Trần Xuân G, Trần Thanh M1, Nguyễn Đức A1 và Phó Cửu V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố P;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc và thành phố Hà Nội
- Ủy ban Kiểm tra thành ủy P
- Các bị cáo
- Ủy ban nhân dân xã M, xã U và phường X;
- Lưu HS, V.P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh